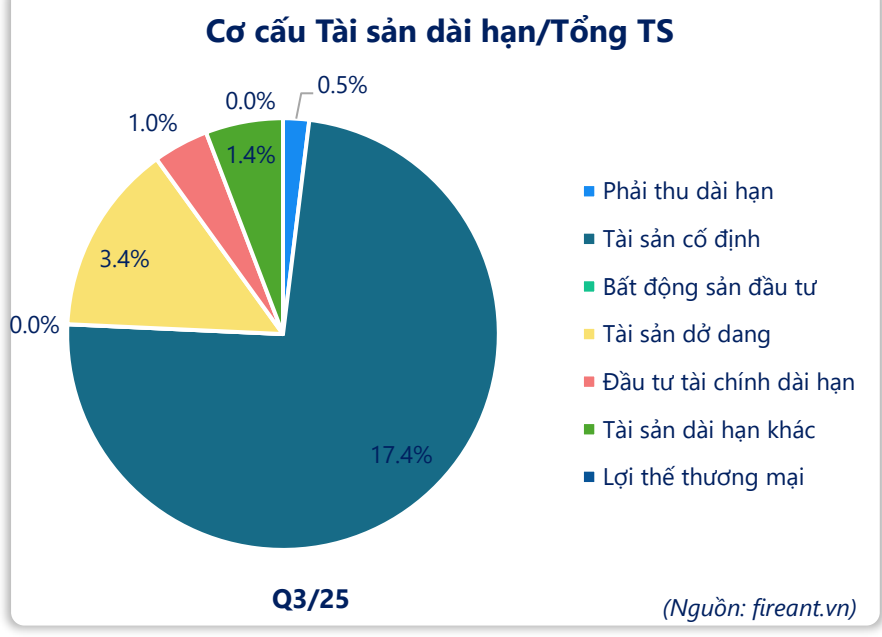
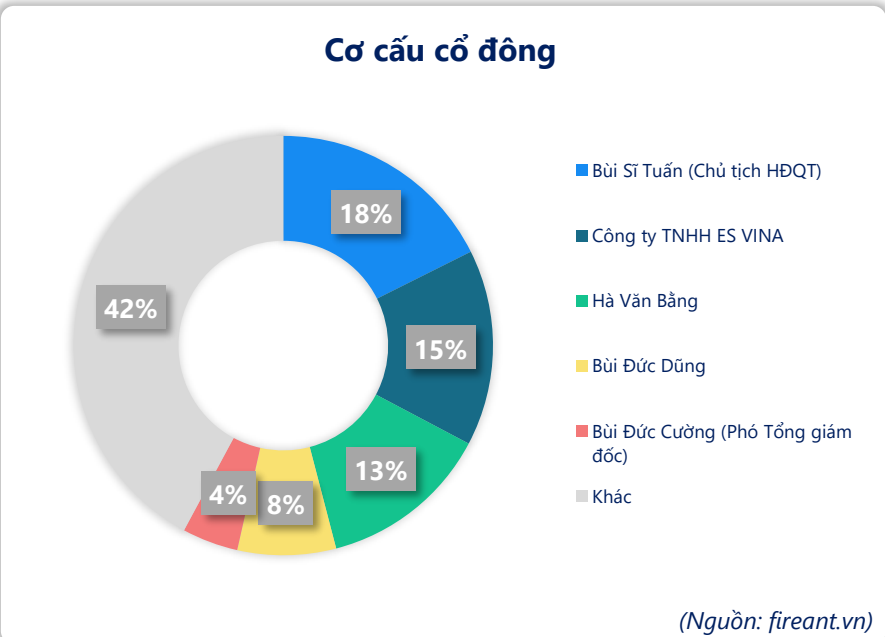
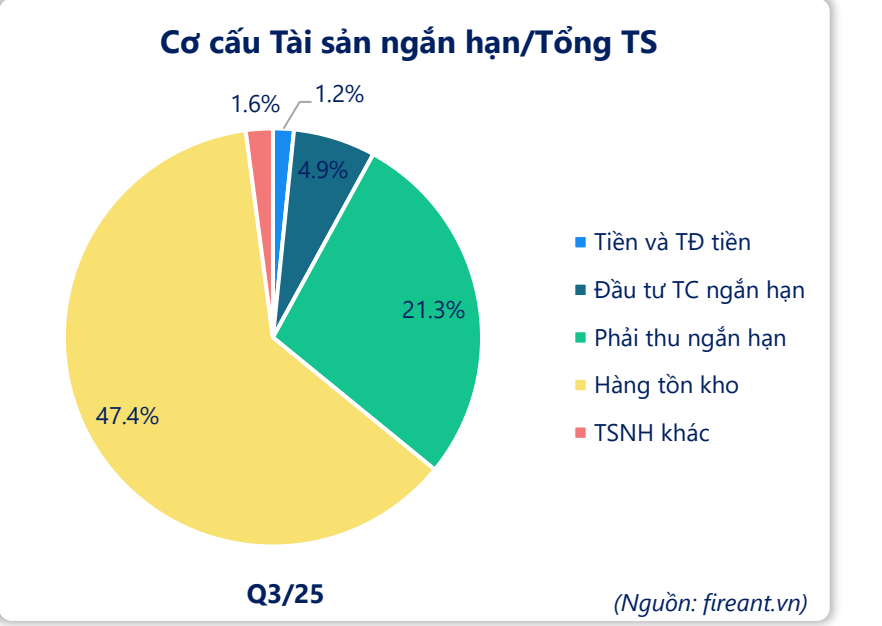
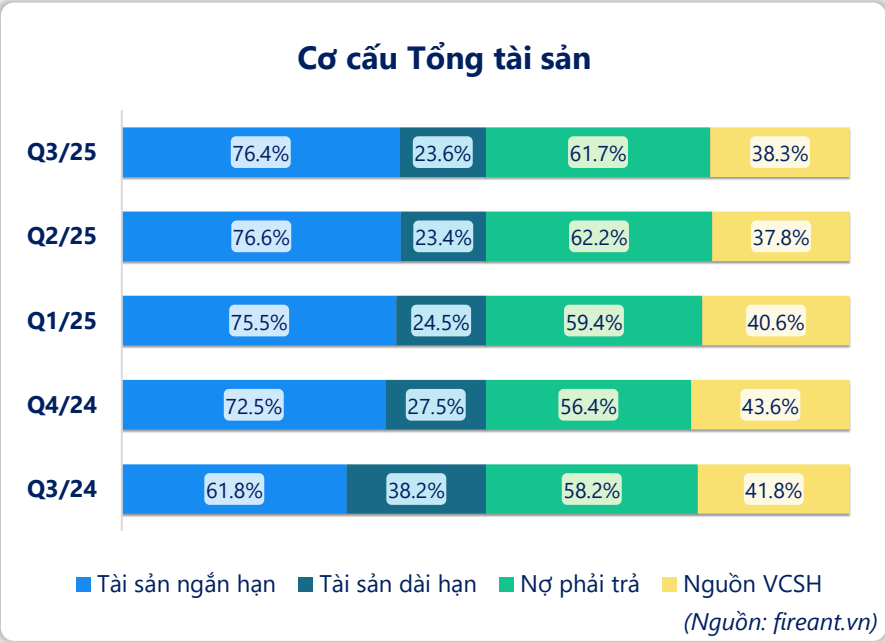
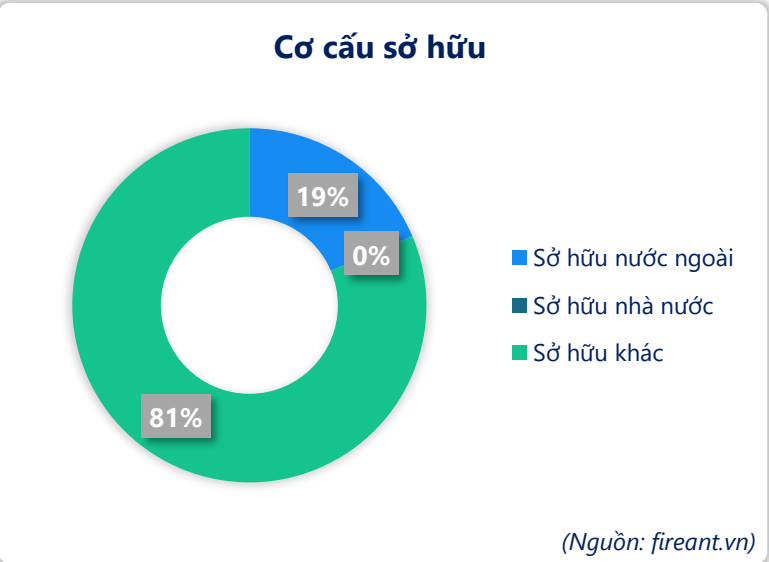
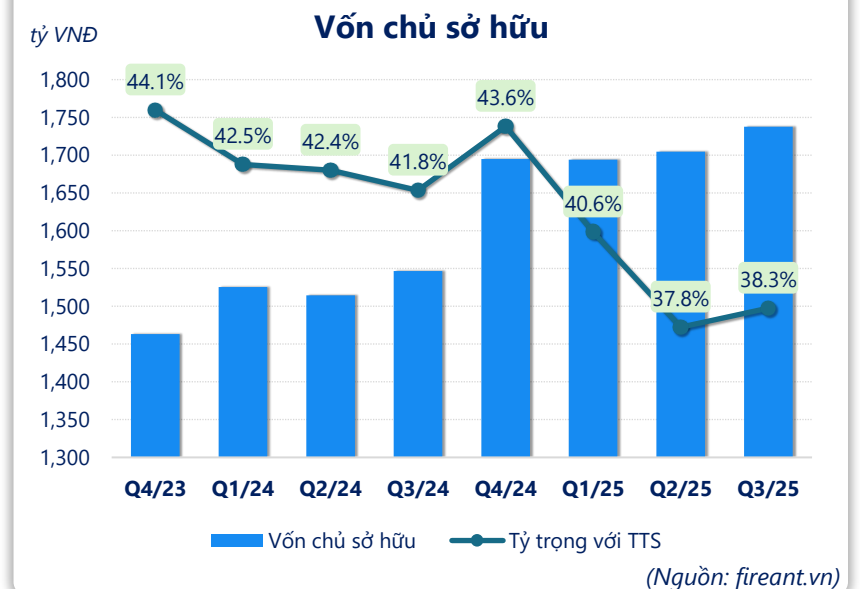
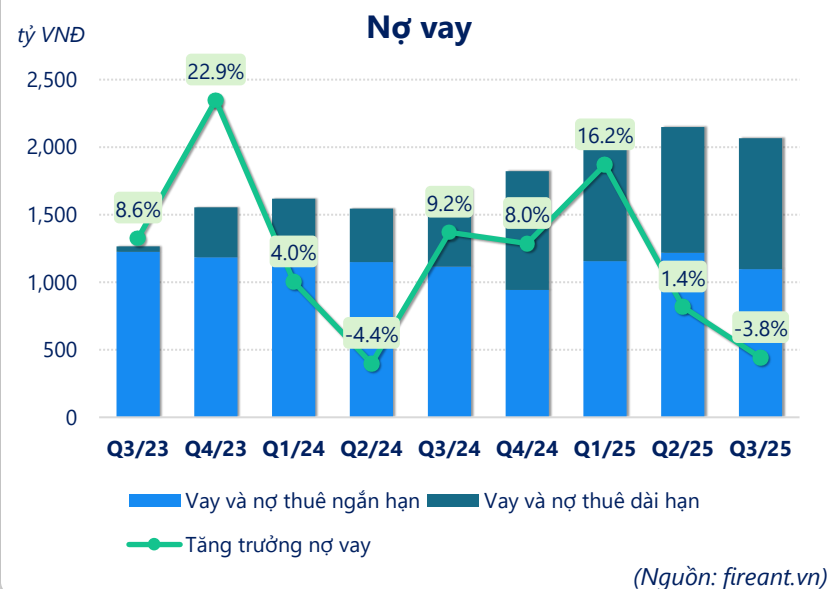
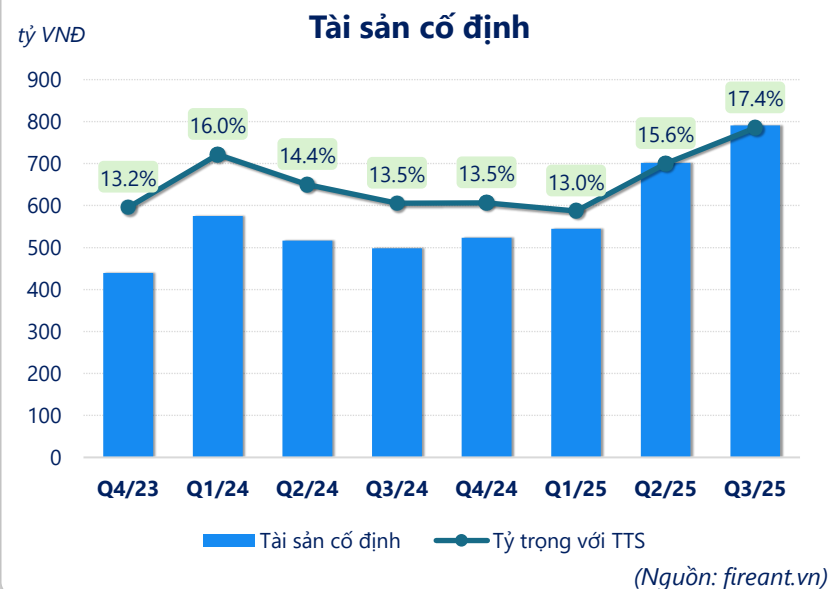
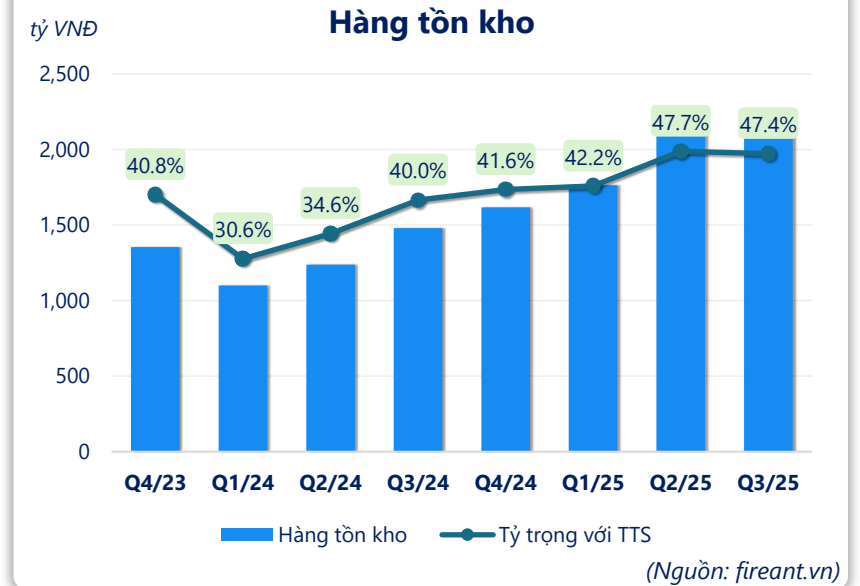
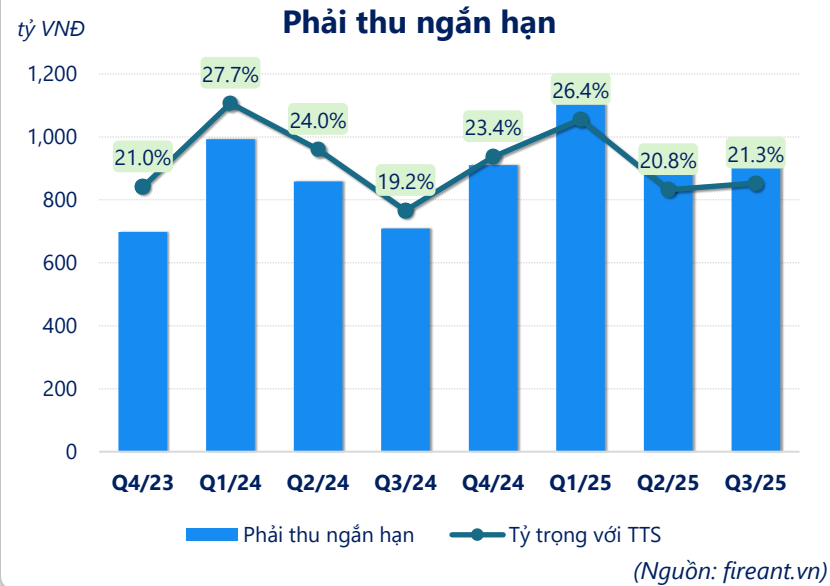
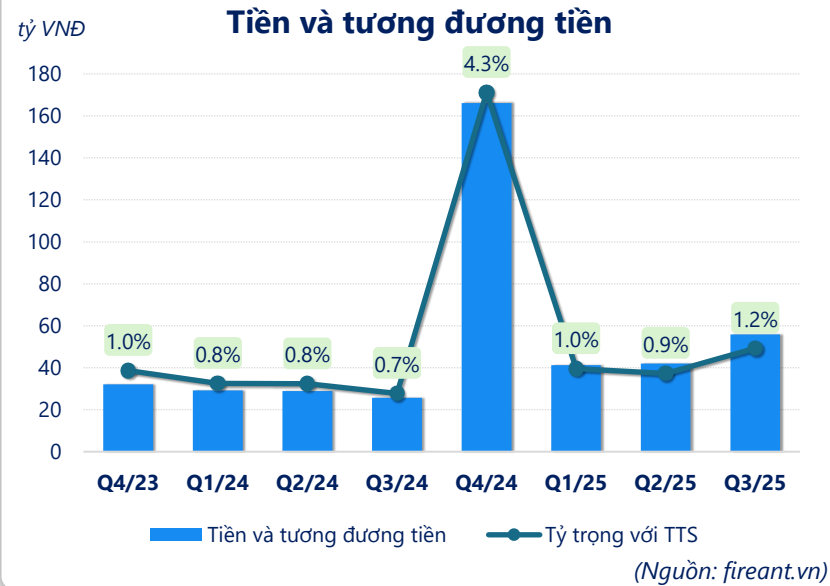
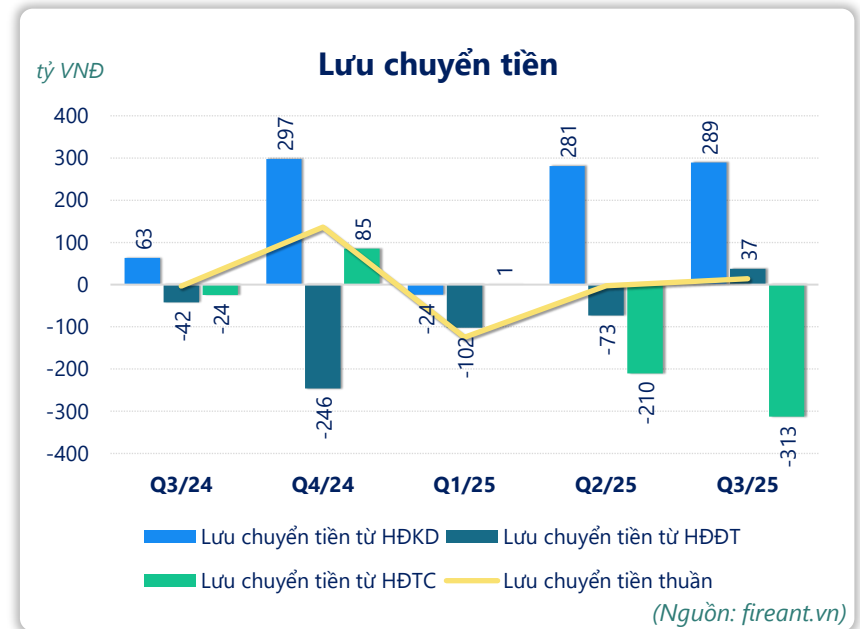
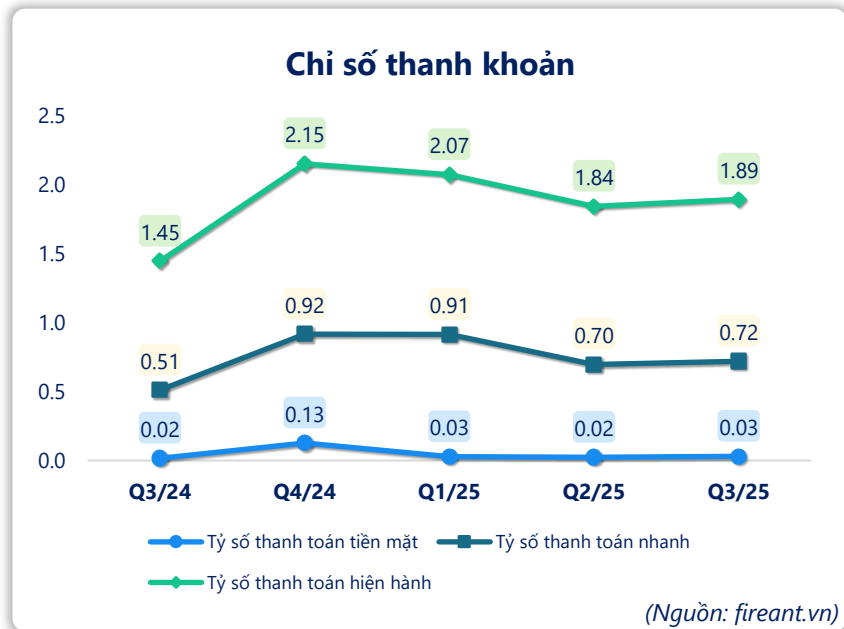
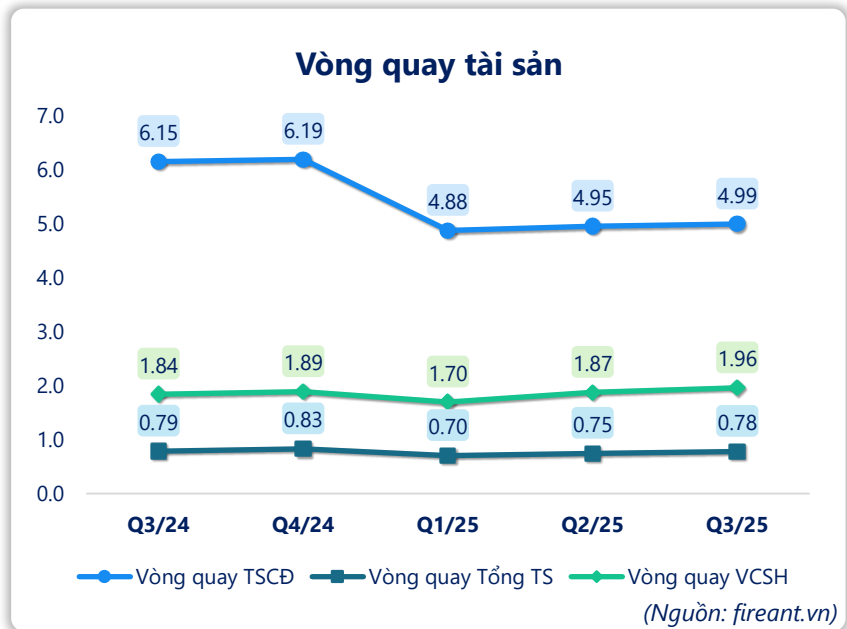
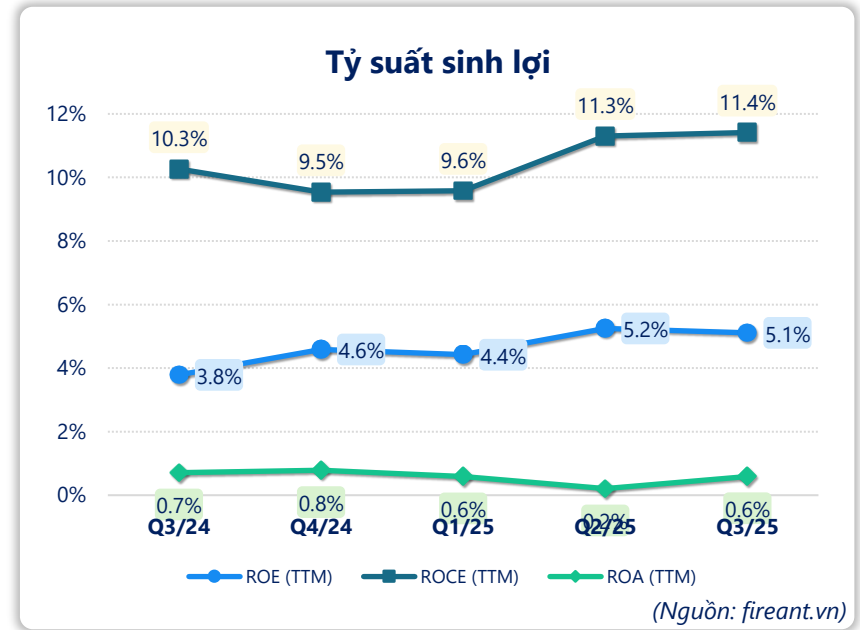
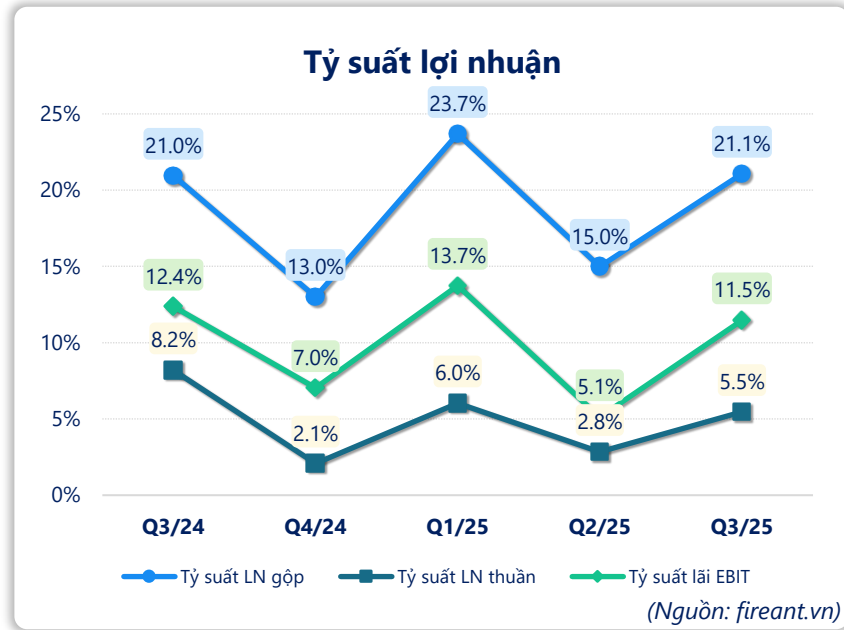
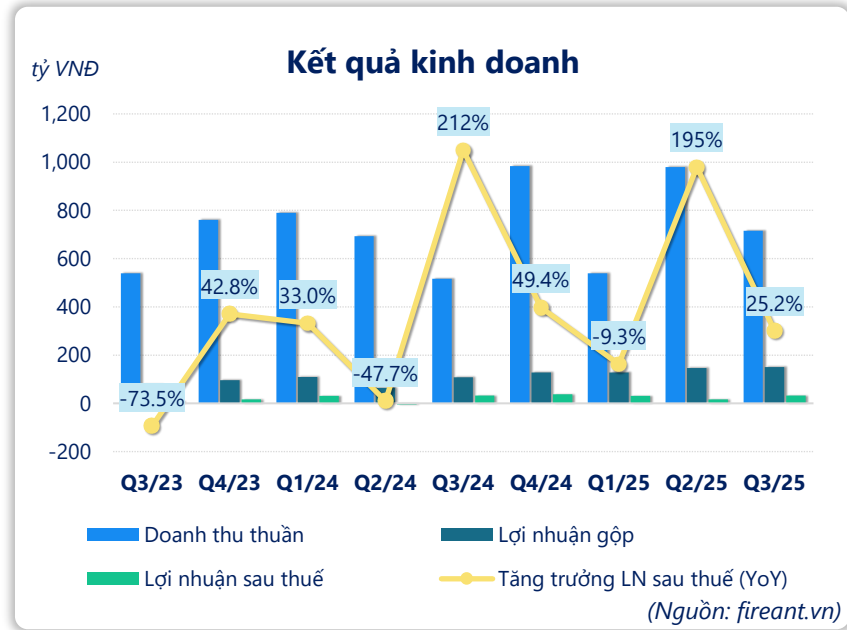


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,990
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,070
SL cổ phiếu LH		101,898,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)		208,620
% sở hữu nước ngoài		18.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		712
P/E		8.5
EPS		823

	YTD	1T	3T	6T
CMX	-11.0%	-2.5%	0.7%	-12.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,532	3,717	21.9%
Tài sản ngắn hạn	3,461	2,675	29.3%
Tiền và tương đương tiền	55.8	166	-66.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	102	116%
Phải thu ngắn hạn	966	770	25.5%
Hàng tồn kho	2,146	1,589	35.1%
Tài sản ngắn hạn khác	72.2	48.7	48.2%
Tài sản dài hạn	1,072	1,041	2.9%
Phải thu dài hạn	20.9	1.03	1931%
Tài sản cố định	791	524	50.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	153	461	-66.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	44.5	34.9	27.7%
Tài sản dài hạn khác	62.2	19.7	216%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,794	2,053	36.1%
Nợ ngắn hạn	1,826	1,238	47.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,098	994	10.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	389	153	154%
Nợ dài hạn	968	815	18.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	968	814	18.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,738	1,663	4.5%
Vốn chủ sở hữu	1,738	1,663	4.5%
Vốn điều lệ	1,019	1,019	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	516	983	539	979	716
Giá vốn hàng bán	408	855	411	833	565
Lợi nhuận gộp	108	128	128	147	151
Doanh thu HĐTC	22.0	9.67	18.6	2.43	10.1
Chi phí TC	31.4	43.7	57.8	52.1	54.9
Chi phí lãi vay	27.1	24.3	39.1	26.7	43.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	1.45	0
Chi phí bán hàng	34.1	39.4	32.8	41.0	36.8
Chi phí QLDN	22.3	34.0	23.1	29.8	30.3
LN thuần từ HĐKD	42.3	20.5	32.4	27.8	39.1
Lợi nhuận khác	-5.51	24.3	2.41	-4.41	-0.87
LN trước thuế	36.7	44.8	34.9	23.4	38.2
Lợi nhuận sau thuế	32.5	38.2	30.8	17.0	32.9
LNST của CĐ cty mẹ	25.0	28.3	22.8	8.41	24.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.2	297	-23.5	281	289
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-42.0	-246	-102	-73.3	37.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.4	85.0	0.69	-210	-313
Tiền đầu kỳ	28.9	25.7	166	41.3	42.1
Lưu chuyển tiền thuần	-3.21	136	-125	-2.38	13.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	4.16	0.00	3.08	-0.06
Tiền cuối kỳ	25.7	166	41.3	42.1	55.8

(Nguồn: fireant.vn)